

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/03/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+TD1+CTK3	7:25	15+1+4	0+0+0		14+0+8	0+0+0	Chuyen 2 TD5-TD1
2		BK3+MRM	7:25	2+18	0+0		0+22	0+0	
3		PVD1+TD3+P10	7:25	7+15+0	0+0+0		7+12+3	0+0+0	
4		RP3+MRM+TD3	9:25	15+0+3	0+0+0		3+8+11	0+0+0	
5		PPD	9:25	21	0		22	0	
6		PVD1+P5	9:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
7		PPD+P4	11:25	8+14	0+0		4+18	0+0	
8		VSP02+RP2+RP3	11:25	8+10+0	0+0+0		0+5+17	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Ing P2 về qua PPD, 4 ng TD2 về qua RP2

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/03/2023	TO: TD5 - TD1 - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - M.Đức - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN HAI	TD5	45	1	2		90	KHOAN	Vietnamese
2	ASKAROV DENIS	TD5	46	1	8		85	KHOAN	Russian
3	BAO NGUYỄN LỘC	TD5	44	1	5	7	62	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN BA HOÀ	TD5	40	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HÒA	TD5	49	1	10		79	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH BÌNH	TD5	36-37,79	3	8		70	KHOAN	Vietnamese
7	VU LONG PHI	TD5	48	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	41	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM TIẾN CHUNG	TD5	76	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD5	78	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN KHUU	TD5	77	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
12	ALEKHIN ALEXANDR	TD5	50	1	7		100	KHOAN	Russian
13	HÀ THANH TUNG	TD5	38-39	2	10		92	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN SY LỆ	TD5	42	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
15	SEREBROV	TD5	43	1	12		90	VTB	Russian
16	LẠI ĐỨC LAM	TD1	70	1	5	15	67	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN MAI SƠN	CTK3	17	1	3		70	SAN BAY	Vietnamese
18	NGUYỄN HỒNG ANH	CTK3	26-27	2	8		51	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG LAM	CTK3	01	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	CTK3	24-25	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	15	18	111	1.154	7	14		CHUYEN 2 PAX TD5-TD1
2	TD1	1	1	5	67	15	0		
3	CTK3	4	6	33	266	0	8		
TOTAL		20	25	149	1.487	22	22		
WEIGHT KG				149	1.487	22			

GRAND TOAL: 1.658 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/03/2023	TO: BK3 - MRM	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HOÀI NAM	BK3	62	1	10	22	80	CODIEN	Vietnamese
2	VÔ TIỀN PHỤNG	BK3	60-61	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
3	POLYAKOV IVAN	MRM	16	1	8		90	AMNGR	Russian
4	ZAVGORODNIY IGOR	MRM	31	1	18		70	AMNGR	Russian
5	ZHESTKOV IGOR	MRM	73	1	15		110	AMNGR	Russian
6	NGUYỄN TIỀN DUNG	MRM	18	1	7		80	AMNGR	Vietnamese
7	ĐÀO VĂN BẢO	MRM	26	1	10		70	AMNGR	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT HÙNG	MRM	17	1	7		78	AMNGR	Vietnamese
9	CHU VĂN BÌNH	MRM	31	1	10		70	AMNGR	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG KIẾN	MRM	21-22	2	10		80	AMNGR	Vietnamese
11	TRẦN ĐÌNH THÂN	MRM	27-28	2	8		85	AMNGR	Vietnamese
12	PHAN VĂN THUẬN	MRM	19	1	10		72	AMNGR	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG ĐỨC	MRM	20	1	5		80	AMNGR	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN MINH	MRM	29-30	2	15		70	AMNGR	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN OAI	MRM	24-25	2	17		76	AMNGR	Vietnamese
16	ĐÀU MINH A	MRM	23	1	5		65	AMNGR	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH SÙNG	MRM	74	1	5	115	72	SEAMAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TỰ TẠO	MRM	75	1	7		70	SEAMAP	Vietnamese
19	TÔ VĂN DỤC	MRM	15	1	5		60	VTB	Vietnamese

FLIGHT PLAN

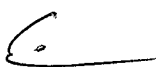
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	2	3	25	150	22	0		
2	MRM	17	21	162	1.298	115	22		
TOTAL		19	24	187	1.448	137	22		
WEIGHT KG				187	1.448	137			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/03/2023	TO: PVD1 - TD3 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TTrung - NPhú - PTUÁN	ETA: 09:20
VANG-1			

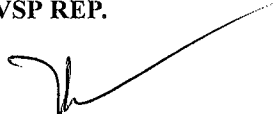
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ROBERT SEAN HARRIS	PVD1	54-55	2	15		86	PVD DD	British
2	HUYNH VAN PHU	PVD1	56	1	4		75	PVD DD	Vietnamese
3	ĐẠO VĂN SINH	PVD1	57	1	6		61	PVDO	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH TÍNH	PVD1	01	1	6		68	PVDO	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TUÂN	PVD1	02	1	6		72	PVDO	Vietnamese
6	PHẠM VĂN ĐƯƠNG	PVD1	99,500	2	6		70	PVDO	Vietnamese
7	HUYNH TÂN DUYỀN	PVD1	98	1	5		65	PVDO	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC THẠCH	TD3	56	1	5		58	D-HANH	Vietnamese
9	NGUYỄN HAI	TD3	46	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
10	OLEINIK IVAN	TD3	55	1	8		72	KHOAN	Russian
11	LÊ VĂN KHOA	TD3	47-48	2	11		70	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	59	1	5	70	102	KHOAN	Vietnamese
13	HUYNH AI HUU	TD3	64	1	4		84	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM HUNG DUONG	TD3	49	1	5		100	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN MẠNH HUNG	TD3	54	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH HUNG	TD3	53	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM DƯƠNG HAI	TD3	50-51	2	13		60	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ MẠNH THẮNG	TD3					74	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ QUANG ĐẠO	TD3	57-58	2	18		84	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ TIẾN DUNG	TD3					69	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM VĂN TRI	TD3	52	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ NGỌC LUÂN	TD3	45	1	12		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	7	9	48	497	0	7		
2	TD3	15	16	108	1.133	70	12		
3	P10	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	25	156	1.630	70	22		
WEIGHT KG				156	1.630	70			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Xin chú ý Pilot!

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: RP3 - MRM - TD3	CREW: Nam - M.Đức - HIẾU	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PANKRATOV ROMAN	RP3	66	1	11		90	KHI	Russian
2	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	56-57	2	15		61	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VĂN SEN	RP3	50	1	6		70	KHI	Vietnamese
4	HỒ VĂN LUÔNG	RP3	48	1	5		67	KHI	Vietnamese
5	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	62-63	2	11		58	KHI	Vietnamese
6	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	60	1	5		78	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG HOÀ	RP3	51	1	10		67	KHI	Vietnamese
8	LÊ XUÂN VIỆT	RP3	58-59	2	9		78	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT KY	RP3	53	1	4	35	72	KHI	Vietnamese
10	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	54-55	2	10		66	KHI	Vietnamese
11	PHẠM VĂN LẬP	RP3					63	KHI	Vietnamese
12	PHẠM BÌNH NAM	RP3	49	1	7		62	KHI	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG LINH	RP3	61	1	5		75	KHI	Vietnamese
14	KHÔNG TIỀN DŨNG	RP3	52	1	7		77	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN PHẠM TUẤN ANH	RP3	67	1	5		60	PSV	Vietnamese
16	NGÔ DUY NGỌC	TD3	66	1	15	30	62	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN MẠNH	TD3	65	1	14		62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	15	18	110	1.044	35	3		
2	MRM	0	0	0	0	0	8		
3	TD3	2	2	29	124	30	11		
TOTAL		17	20	139	1.168	65	22		
WEIGHT KG				139	1.168	65			

GRAND TOAL: 1.372 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/03/2023	TO: PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - NNam	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TÀI	PPD	79	1	12	45	71	KHI	Vietnamese
2	KOLESNIK ALEXANDER	PPD	85	1	11		96	KHI	Russian
3	ĐO CHUNG KIEN	PPD	65	1	4		60	KHI	Vietnamese
4	HOANG MINH HIEU	PPD	70	1	5		68	KHI	Vietnamese
5	VŨ THANH BINH	PPD	74	1	5		85	KHI	Vietnamese
6	TRẦN VĂN DŨNG	PPD	71	1	3		75	KHI	Vietnamese
7	PHẠM HAI QUANG	PPD	72	1	4		75	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TÀI	PPD	73	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	ĐO NGỌC TÂN	PPD	64	1	10		75	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TIỀN QUÂN	PPD	82-83	2	11		65	KHI	Vietnamese
11	BERNIKOVICH VIKTOR	PPD	63	1	8		110	KHI	Russian
12	NGUYỄN HỮU HAO	PPD					75	KHI	Vietnamese
13	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	80	1	9		65	KHI	Vietnamese
14	ĐO VĂN THÀNH	PPD	66	1	5		85	KHI	Vietnamese
15	LÊ MINH PHỤNG	PPD	59	1	5		80	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY TRƯỞNG	PPD	69	1	3		67	KHI	Vietnamese
17	HA VĂN CANH	PPD	75-76	2	20		61	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ANH TUÂN	PPD	77-78	2	17		77	KH-THAC	Vietnamese
19	GALLIAMOV I	PPD	84	1	5		70	KH-THAC	Russian
20	BUI THANH	PPD	82	1	3		62	KHI	Vietnamese
21	TRỊNH QUỐC THANH	PPD	67-68	2	10		101	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	24	155	1.593	45	22		
	TOTAL	21	24	155	1.593	45	22		
	WEIGHT KG			155	1.593	45			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

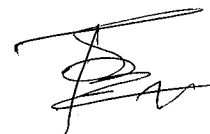
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: PVD1 - P5	CREW: TTrung - NPhú - PTUẤN	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUỖNH TUẤN NGHI	PVD1	69	1	10		77	PVDO	Vietnamese
2	NGUYEN HUNG SON	PVD1	61	1	17		65	PVD-BH	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	PVD1	68	1	5		58	PVDO	Vietnamese
4	LUU VAN LOI	PVD1	869,81	2	15		72	PVDO	Vietnamese
5	NGÔ VĂN TẠO	PVD1	872	1	5		60	PVDO	Vietnamese
6	TRẦN NAM THĂNG	PVD1	77	1	9		77	PVDO	Vietnamese
7	VŨ VĂN TĂNG	PVD1	78	1	5		68	PVDO	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHÚC	PVD1	79-80	2	12		65	PVDO	Vietnamese
9	PHẠM CÔNG BĂNG	PVD1	82	1	10		50	PSV	Vietnamese
10	ĐẬU HOÀNG LONG	PVD1	74	1	12		70	PVD DD	Vietnamese
11	ĐỖ ĐỨC NGỌC	PVD1	58	1	5		71	PVDWS	Vietnamese
12	NGÔ VĂN CUÔNG	PVD1	72-73	2	12		70	PVDWS	Vietnamese
13	LÊ TÙNG PHONG	PVD1	64	1	10		62	PVDWS	Vietnamese
14	ĐÀO VĂN TÂM	PVD1	62	1	14		67	PVDWS	Vietnamese
15	DƯƠNG TUẤN ANH	PVD1	43-44	2	20		60	PVDO	Vietnamese
16	LÊ ĐÌNH HÙNG	PVD1	70-71	2	10		66	PVDO	Vietnamese
17	TRẦN THANH PHƯƠNG	PVD1	45,67	2	20	43	70	PVDO	Vietnamese
18	LÊ NGUYỄN TRỌNG NGHI	PVD1	66-68	3	20		88	PVD LOGO	Vietnamese
19	VŨ THANH HUY	PVD1	63	1	10		69	PVD-BH	Vietnamese
20	TRẦN KHẮC HỢP	PVD1	65	1	12		77	DMC-MI	Vietnamese
21	VŨ HOÀNG	PVD1	59-60	2	10		67	PVD TRAI	Vietnamese
22	BUI ANH TU	PVD1	83-84	2	13		68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	22	32	256	1.497	43	20		
2	P5	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	32	256	1.497	43	22		
WEIGHT KG				256	1.497	43			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 7	TO: PPD - P4	CREW: Hạnh - ĐNam - DTùng	ETA: 13:40
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN NĂM	PPD	53	1	3		70	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HÒA	PPD	56	1	7		72	KHI	Vietnamese
3	VŨ MẠNH HÙNG	PPD	52	1	5		72	KHI	Vietnamese
4	ĐÌNH XUÂN TOÀN	PPD	54	1	13		72	T-TIN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN MINH	PPD	55	1	18		78	T-TIN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	PPD	58	1	8		70	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN VƯỢNG	PPD	57	1	5		75	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	53	1	3		69	KHI	Vietnamese
9	DOÀN THANH CÔNG	P4	64-65	2	15		70	KHI	Vietnamese
10	PHẠM TRẠI	P4	57	1	5		75	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	56	1	3		70	KHI	Vietnamese
12	TẠ XUÂN HIẾU	P4	51	1	5		65	KHI	Vietnamese
13	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	47	1	5	39	80	KHI	Vietnamese
14	BUI ĐĂNG TIẾN	P4	55	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	PHAN HỒNG TÂM	P4	58-59	2	11		58	KHI	Vietnamese
16	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4	52	1	5		63	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	50	1	5		65	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG	P4	54	1	5		78	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	48	1	3		75	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	49	1	5		66	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN TÂN HOÀNG	P4	63	1	4		72	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

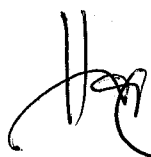
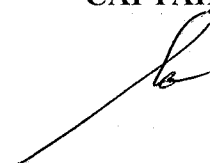
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	7	7	59	509	0	4		
2	P4	14	16	79	976	39	18		
TOTAL		21	23	138	1.485	39	22		
WEIGHT KG				138	1.485	39			

GRAND TOAL: 1.662 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/03/2023	TO: VSP02 - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:05
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - Toan	ETA: 13:45
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NHẬT TIẾN	VSP02	200,1000	2	20		70	SHINTRAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN THAI	VSP02	89	1	8	14	56	SHINTRAC	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG HAO	VSP02	98	1	6		82	SHINTRAC	Vietnamese
4	TRƯỜNG ANH HUYỀN	VSP02	94-95	2	17		78	SHINTRAC	Vietnamese
5	Y DUNG HMOK	VSP02	99	1	11		65	SHINTRAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOANG TAM	VSP02	96-97	2	10		68	SHINTRAC	Vietnamese
7	ĐO QUỐC HUY	VSP02	92-93	2	14		70	SHINTRAC	Vietnamese
8	SƠN THI	VSP02	63,65	2	14		58	SHINTRAC	Vietnamese
9	VÔ HỒNG QUÂN	RP2	37	1	10		88	SINH HUNG	Vietnamese
10	BUI AN	RP2	32	1	11		74	SINH HUNG	Vietnamese
11	VĂN VÕ THIÊN	RP2	38-39	2	15		66	SINH HUNG	Vietnamese
12	BUI VĂN THUY	RP2	43	1	8		56	SINH HUNG	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN XIN	RP2	44	1	10		75	SINH HUNG	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN HOA	RP2	41-42	2	12		70	SINH HUNG	Vietnamese
15	NGUYỄN TRƯỜNG THANH	RP2	35-36	2	8		65	SINH HUNG	Vietnamese
16	TÔ ĐÌNH DUNG	RP2	45-46	2	20		75	SINH HUNG	Vietnamese
17	HỒ VĂN HÙNG	RP2	40	1	7		55	SINH HUNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	8	13	100	547	14	0		
2	RP2	9	13	101	624	0	5		
3	RP3	0	0	0	0	0	17		
TOTAL		17	26	201	1.171	14	22		
WEIGHT KG				201	1.171	14			

GRAND TOAL: 1.386 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN